

Số 07 -TB/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 6 tháng 1 năm 2026

PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026
(Dự kiến)

Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy Học viện Báo chí và Tuyên truyền thông báo phương án tuyển sinh năm 2026 (dự kiến) như sau:

1. Thông tin chung

- Mã trường: HBT.

- Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 0243.7546963

Fax: (+84) 0243.7548949

Cổng thông tin điện tử: <https://ajc.hcma.vn/>

Chuyên trang Tuyển sinh và Đào tạo: <https://daotaoajc.edu.vn/>

2. Đối tượng và phạm vi tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; đạt yêu cầu xét tuyển theo quy định của Học viện về học lực, hạnh kiểm bậc THPT. Thí sinh là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Các chương trình đào tạo

3.1. Nhóm 1 gồm các ngành:

- Ngành Báo chí, gồm 6 chuyên ngành: Báo in; Ảnh báo chí; Báo phát thanh; Báo truyền hình; Quay phim truyền hình; Báo mạng điện tử;

- Ngành Xuất bản, gồm 2 chuyên ngành: Biên tập xuất bản, Xuất bản điện tử.

3.2. Nhóm 2 gồm các ngành:

- Ngành Triết học; Ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học; Ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Ngành Quản lý công; Ngành Quản lý nhà nước; Ngành Công tác xã hội; Ngành Xã hội học; Ngành Kinh tế chính trị; Ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế;

- Ngành Chính trị học, gồm 4 chuyên ngành: Công tác tư tưởng - văn hóa; Chính trị phát triển; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Truyền thông chính sách;

3.3. Nhóm 3: Ngành Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

3.4. Nhóm 4 gồm các ngành:

- Ngành Truyền thông quốc tế;
- Ngành Ngôn ngữ Anh;
- Ngành Truyền thông đại chúng;
- Ngành Truyền thông đa phương tiện;
- Ngành Quan hệ quốc tế, gồm 3 chuyên ngành: Thông tin đối ngoại; Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế; Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu
- Ngành Quan hệ công chúng, gồm 3 chuyên ngành: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp; Truyền thông marketing; Quảng cáo

4. Phương thức tuyển sinh

4.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thực hiện theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Học viện về ngành phù hợp với môn thi đạt giải, cụ thể:

- Các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm ngành 1, nhóm ngành 4:
 - + Xét tuyển thẳng thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba đối với học sinh giỏi quốc gia môn Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán học.
 - + Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh (không dùng quyền xét tuyển thẳng) đoạt giải nhất, nhì, ba môn Lịch sử, Địa lí, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia.
- Các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm ngành 2, nhóm ngành 3:
 - + Xét tuyển thẳng thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba đối với học sinh giỏi quốc gia môn Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán học, Lịch sử, Địa lí.
 - + Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh (không dùng quyền xét tuyển thẳng) đoạt giải nhất, nhì, ba cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia.

Căn cứ kết quả dự án, đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật của thí sinh đoạt giải, Hội đồng tuyển sinh Học viện ưu tiên xét tuyển vào ngành học phù hợp với kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đoạt giải.

Kết quả xét tuyển thẳng sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được thông báo trên Cổng thông tin điện tử Học viện: <https://ajc.hcma.vn/>; Cổng thông tin điện tử Học viện - Chuyên trang đào tạo - tuyển sinh: <https://daotaoajc.edu.vn/>

Thí sinh được đăng ký nhiều nguyện vọng, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các nguyện vọng. Các hồ sơ đủ điều kiện sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét tuyển trên nguyên tắc xét tuyển vào ngành phù hợp; xét từ cao xuống thấp theo mức giải mà thí sinh đoạt được.

4.2. Xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh, :

Đối với các ngành thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 4: Xét tuyển kết hợp chứng chỉ quốc tế tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, chứng chỉ SAT tối thiểu 1200/1600, chứng chỉ Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) bậc 3 trở lên với kết quả trung bình chung học tập 6 học kỳ bậc THPT các môn như sau:

Điểm quy đổi CHỨNG CHỈ (hệ số 2) + NGŨ VĂN + TOÁN HỌC + Điểm khuyến khích (nếu có) + điểm ưu tiên (nếu có)

- *Đối với ngành Lịch sử thuộc nhóm 3:* Xét tuyển kết hợp chứng chỉ quốc tế tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, chứng chỉ SAT tối thiểu 1200/1600, chứng chỉ VSTEP bậc 3 trở lên với kết quả học tập trung bình chung 6 học kỳ bậc THPT các môn như sau:

Điểm quy đổi CHỨNG CHỈ (hệ số 2) + NGŨ VĂN + LỊCH SỬ + Điểm khuyến khích (nếu có) + điểm ưu tiên (nếu có)

Lưu ý:

- Kết quả học tập 6 học kỳ bậc THPT được tính bằng trung bình chung từng học kỳ của từng môn cộng lại (không nhân hệ số điểm học kỳ).

- Điểm quy đổi chứng chỉ được quy định cụ thể ở Mục 6.2

4.3. Xét tuyển căn cứ điểm thi tốt nghiệp THPT

Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp của từng nhóm ngành đào tạo, cụ thể như sau:

- Đối với các ngành, chuyên ngành thuộc nhóm 2 không có môn nhân hệ số: Điểm xét tuyển (thang điểm 30) được xác định như sau:

Điểm xét tuyển (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) = Tổng điểm 3 môn thi/bài thi theo tổ hợp đã đăng ký + Điểm khuyến khích (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

- Đối với các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm 1 có môn Ngữ văn, nhóm 3 có môn Lịch sử và nhóm 4 có môn tiếng Anh nhân hệ số 2: Điểm xét tuyển (thang điểm 40) được xác định như sau:

*Điểm xét tuyển (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) = Tổng điểm 3 môn thi sau khi nhân hệ số theo tổ hợp đã đăng ký + [Điểm khuyến khích (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)] * 4/3.*

Học viện chấp nhận quy đổi điểm môn tiếng Anh đối với những thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh và được quy định mức quy đổi cụ thể tại Mục 6.2. Điểm tiếng Anh quy đổi sẽ được kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT thành tổ hợp môn xét tuyển. Phương thức xét tuyển căn cứ điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp môn xét tuyển như tổ hợp như sau:

*Bảng 1: Tổ hợp môn xét tuyển dành cho phương thức xét tuyển
điểm thi tốt nghiệp THPT*

Nhóm ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
Nhóm ngành 1	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Toán học
	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Địa lí
	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Lịch sử
Nhóm ngành 2	- Ngữ văn, Toán học, Tiếng Anh
	- Ngữ văn, Toán học, Địa lí
	- Ngữ văn, Toán học, Lịch sử
	- Ngữ văn, Toán học, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
Nhóm	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Tiếng Anh

ngành 3	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Toán học
	- Toán học, LỊCH SỬ (hệ số 2), Địa lí
	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
Nhóm ngành 4	- TIẾNG ANH (hệ số 2), Ngữ văn, Toán học
	- TIẾNG ANH (hệ số 2), Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
	- TIẾNG ANH (hệ số 2), Ngữ văn, Địa lí
	- TIẾNG ANH (hệ số 2), Ngữ văn, Lịch sử

5. Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành/chuyên ngành: Tổng chỉ tiêu: 2.150

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành/ chuyên ngành xét tuyển	Mã ngành/chuyên ngành	Chỉ tiêu
1	301	Báo chí, chuyên ngành Báo in	602	50
	100			
	200			
	410			
2	301	Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh	604	50
	100			
	200			
	410			
3	301	Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình	605	100
	100			
	200			
	410			
4	301	Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử	607	100
	100			
	200			
	410			
5	301	Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí	603	50
	100			
	200			
	410			

6	301	Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình	606	50
	100			
	200			
	410			
7	301	Truyền thông đại chúng	7320105	100
	100			
	200			
	410			
8	301	Truyền thông đa phương tiện	7320104	150
	100			
	200			
	410			
9	301	Triết học	7229001	40
	100			
	200			
	410			
10	301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008	40
	100			
	200			
	410			
11	301	Kinh tế chính trị	7310102	40
	100			
	200			
	410			
12	301	Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế	527	150
	100			
	200			
	410			
13	301	Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng - văn hóa	530	100
	100			
	200			
	410			

14	301	Chính trị học, chuyên ngành Chính trị phát triển	531	50
	100			
	200			
	410			
15	301	Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh	533	40
	100			
	200			
	410			
16	301	Chính trị học, chuyên ngành Truyền thông chính sách	538	50
	100			
	200			
	410			
17	301	Quản lý nhà nước	532	100
	410			
	100			
	200			
	410			
18	301	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	90
	100			
	200			
	410			
19	301	Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản	801	50
	100			
	200			
	410			
20	301	Xuất bản, chuyên ngành Xuất bản điện tử	802	50
	100			
	200			
	410			
21	301	Xã hội học	7310301	50
	100			
	200			
	410			

22	301	Công tác xã hội	7760101	50
	100			
	200			
	410			
23	301	Quản lý công	7340403	100
	100			
	200			
	410			
24	301	Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7229010	40
	100			
	200			
	410			
25	301	Truyền thông quốc tế	7320107	50
	100			
	200			
	410			
26	301	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Thông tin đối ngoại	610	50
	100			
	200			
	410			
27	301	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế	611	50
	100			
	200			
	410			
28	301	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu	614	50
	100			
	200			
	410			
29	301	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghịệp	615	50
	100			
	200			
	410			

30	301	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông marketing	616	100
	100			
	200			
	410			
31	301	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Quảng cáo	618	50
	100			
	200			
	410			
32	301	Ngôn ngữ Anh	7220201	60

6. Các thông tin cần thiết khác về điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển, điểm quy đổi, điểm cộng ưu tiên, khuyến khích và tiêu chí phụ xét tuyển

6.1. Các điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển

Thí sinh dự tuyển các phương thức xét tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có trung bình chung kết quả học tập các môn Toán học, Ngữ văn 6 học kỳ bậc THPT đạt 6,5 trở lên;
- Hạnh kiểm năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 bậc THPT được đánh giá mức Khá trở lên;
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Thí sinh dự tuyển các ngành/chuyên ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị (Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) không nói ngọng, nói lắp.
- Thí sinh dự tuyển chuyên ngành Quay phim truyền hình phải có sức khỏe tốt, không mắc các bệnh, dị tật về mắt, ngoại hình phù hợp (nam cao 1m62, nữ cao 1m58 trở lên).

Thí sinh chịu trách nhiệm về điều kiện nộp hồ sơ (kết quả học tập, hạnh kiểm) theo quy định của Học viện. Trong trường hợp thí sinh đạt điểm xét tuyển nhưng không đáp ứng yêu cầu về điều kiện nộp hồ sơ, Học viện không công nhận trúng tuyển.

Sau khi trúng tuyển, nhà trường sẽ tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên. Sinh viên trúng tuyển nếu không đáp ứng các quy định nêu trên sẽ được chuyển sang

ngành khác của Học viện có điểm trúng tuyển tương đương.

Học viện nhận hồ sơ xét tuyển kết hợp (kết hợp chứng chỉ tiếng Anh với học bạ) đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT các năm 2024, 2025, 2026. Không nhận hồ sơ xét tuyển kết hợp với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT các năm trước đó.

Lưu ý: Trung bình chung kết quả học tập các môn Toán học, Ngữ văn 6 học kỳ bậc THPT đạt 6,5 trở lên, được tính cụ thể:

Trung bình chung kết quả học tập các môn Toán học, Ngữ văn 6 học kỳ bậc THPT = (trung bình chung kết quả học tập 6 học kỳ môn Toán học + trung bình chung kết quả học tập 6 học kỳ môn Ngữ văn)/2.

6.2. Điểm cộng, điểm quy đổi

a. Cộng điểm ưu tiên theo khu vực, theo đối tượng chính sách (theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

b. Quy đổi điểm đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế Tiếng Anh, chứng chỉ VSTEP; cộng điểm khuyến khích với thí sinh có chứng chỉ SAT.

Mức quy đổi điểm đối với thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh để xét tuyển căn cứ điểm thi tốt nghiệp THPT, xét kết hợp; mức quy đổi điểm đối với thí sinh có chứng chỉ SAT để xét tuyển kết hợp; mức cộng điểm khuyến khích cho phương thức xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT đối với thí sinh có chứng chỉ SAT, được quy định cụ thể như sau:

Bảng 2: Quy đổi, cộng điểm đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh

TT	Mức điểm chứng chỉ tiếng Anh					Điểm quy đổi để xét tuyển kết hợp và xét điểm thi tốt nghiệp THPT
	TOEFL ITP	IELTS	APTIS (General)	APTIS (Advanced)	VSTEP	
1	485 - 499	5.0	131	110	5.5 (Bậc 3)	7,0
2	500 - 542	5.5	153	126	6.0 (Bậc 4)	8,0
3	543 - 560	6.0	160	153	7.0 (Bậc 4)	9,0
4	561 - 589	6.5	170	160	8.0 (Bậc 4)	9,5
5	≥ 590	≥ 7.0	≥ 180	≥ 165	≥ 8.5	10,0

					(Bậc 5)	
--	--	--	--	--	---------	--

Bảng 3: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ SAT đối với phương thức xét kết hợp và cộng điểm khuyến khích đối với phương thức xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT

TT	Chứng chỉ SAT	Điểm quy đổi đối với phương thức xét tuyển kết hợp	Điểm khuyến khích đối với xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT
1	1200 - 1270	9,0	0,2
2	1280 - 1350	9,5	0,3
3	1360 - 1430	10,0	0,4
4	1440 - 1510	10,0	0,5
5	≥ 1520	10,0	0,6

Thí sinh có các chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP (do tổ chức Educational Testing Service cấp), chứng chỉ IELTS, chứng chỉ SAT (do tổ chức Educational Testing Service cấp), chứng chỉ APTIS (do tổ chức British Council cấp), chứng chỉ Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp, còn hiệu lực đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển đại học (**tính đến ngày cuối cùng nhận hồ sơ xét tuyển**) phải nộp bản sao công chứng chứng chỉ TOEFL ITP/ IELTS/ APTIS/ SAT/ VSTEP về Học viện để phục vụ xét tuyển.

c. Điểm khuyến khích đối với thí sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa (sử dụng cho phương thức xét kết hợp và xét điểm tốt nghiệp THPT)

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn văn hóa: 1,0 điểm.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: 0,5 điểm.

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, đoạt giải ba, giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: 0,4 điểm.

Thí sinh đạt giải cần nộp các minh chứng kèm hồ sơ đăng ký xét tuyển.

Lưu ý:

- Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, chứng chỉ tiếng Anh, chứng chỉ SAT không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30 và tối đa 4 điểm đối với thang điểm 40). Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

- Cách tính điểm ưu tiên được xác định và thực hiện theo Điều 7, Thông tư 02/VBHN-BGDĐT ngày 02/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

6.3. Tiêu chí phụ xét trúng tuyển áp dụng cho tất cả các phương thức xét tuyển

Trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau cuối danh sách đối với phương thức xét tuyển kết hợp, xét tuyển căn cứ điểm thi tốt nghiệp THPT; trường hợp thí sinh có cùng giải mà vượt mức chỉ tiêu trong 1 ngành/chuyên ngành xét tuyển đối với phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thì sẽ ưu tiên thí sinh có điểm trung bình chung học tập 6 học kỳ môn Toán học, Ngữ văn bậc THPT cao hơn (không nhân đôi hệ số điểm học kỳ), cụ thể:

$$\text{Điểm tiêu chí phụ} = (\text{trung bình chung kết quả học tập 6 học kỳ môn Toán học} + \text{trung bình chung kết quả học tập 6 học kỳ môn Ngữ văn})/2$$

7. Tổ chức tuyển sinh

7.1. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

* Đối với thí sinh xét tuyển căn cứ kết quả thi THPT: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* Đối với các phương thức tuyển sinh xét tuyển kết hợp, quy đổi điểm chứng chỉ Tiếng Anh, chứng nhận đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa để cộng điểm khuyến khích: có Thông báo nộp hồ sơ xét tuyển riêng.

7.2. Hình thức nhận hồ sơ:

Thí sinh đăng ký **hồ sơ trực tuyến** (sẽ có đường Link cụ thể trong thông báo nộp hồ sơ xét tuyển).

Học viện **chỉ thu hồ sơ trực tiếp tại Học viện** đối với các thí sinh trúng tuyển để thực hiện công tác hậu kiểm tại Ban Quản lý Đào tạo, bồi dưỡng - Bộ phận Đại học, phòng 307, tầng 3, nhà A1 Học viện Báo chí và Tuyên truyền, số 36 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Chính sách ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng chính sách thực hiện theo Điều 7, Thông tư 02/VBHN-BGDDĐT ngày 02/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

9. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Thông báo nộp hồ sơ tuyển sinh của Học viện.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy khóa 46 (2026 – 2030)

- Các chương trình đào tạo giảng viên lý luận chính trị: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh: miễn học phí.

- Các chương trình đào tạo hệ đại trà, dự kiến: 558.800đ/tín chỉ (chưa bao gồm 13 tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

- Các chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng, dự kiến: 1.175.400đ/tín chỉ (chưa bao gồm 13 tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

- Các chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng, gồm:

Quảng cáo; Quan hệ công chúng chuyên nghiệp; Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế; Thông tin đối ngoại; Ngôn ngữ Anh; Xã hội học; Biên tập xuất bản; Báo in; Ảnh báo chí; Báo phát thanh; Báo truyền hình; Quay phim truyền hình; Báo mạng điện tử; Truyền thông đại chúng; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông marketing; Xuất bản điện tử; Quản lý công; Truyền thông quốc tế; Công tác xã hội; Quản lý nhà nước; Quản lý kinh tế; Truyền thông chính sách; Chính trị phát triển.

- Lộ trình tăng học phí cho từng năm và điều chỉnh theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c),
- Học viện CTQG Hồ Chí Minh (để b/c),
- Ban Giám đốc Học viện,
- Các đơn vị,
- Website,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Phạm Minh Sơn